

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc.**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-12-2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Hồng

2. Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị L– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, C khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 345/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị H, sinh năm 1989.

- *Bị đơn:* Anh Điều C, sinh năm 1984. .

Cùng nơi cư trú: Tổ 1, ấp S, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 8 năm 2018, bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị H trình bày:

Chị Thị H và anh Điều C chung sống với nhau từ năm 2005, đến năm 2010 thì chị H và anh C mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, cấp ngày 06/01/2010; được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới; sau khi kết hôn thì chị H và anh C sinh sống tại ấp S, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; vợ chồng chung sống hạnh

phúc đến năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân là do anh C thường hay nhậu nhẹt về đánh đập chị H, không lo cho gia đình vợ, con; đi làm về không cung cấp tiền để lo cho con mà một mình chị tự lo liệu con chung; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh C có 03 con chung: Điều L, sinh ngày 06/6/2006; Điều Thành P, sinh ngày 04/9/2010 và Thị Tuyết L, sinh ngày 10/8/2012; quá trình giải quyết vụ án chị H yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung là Điều Thành P và Thị Tuyết L và giao con chung Điều L cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tại phiên tòa hôm nay chị H yêu cầu trực tiếp nuôi ba con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung; quá trình ly thân chị H là người trực tiếp nuôi các con, anh C không quan tâm, chăm sóc gì con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đặt ra để giải quyết.

Sau khi Tòa án đã thụ lý đơn kiện xin ly hôn của chị Thị H, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh C nhiều lần đến tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng mặc dù anh C đã nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ việc; tại phiên tòa anh C cũng vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự và các thành phần tham gia tố tụng khác đúng theo quy định và đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng; bị đơn không tham gia tố tụng là không thực hiện đúng theo quy định về sự có mặt của bị đơn nên từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa; do bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh C mâu thuẫn trầm trọng, thể hiện chị H và anh C đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm gì đến nhau nữa; quá trình tòa án xác minh được ban áp nơi các đương sự sinh sống xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh C thường xuyên cãi vã lẫn nhau, xô xát, đánh đập nhau nên mâu thuẫn đã trầm trọng; quá trình hòa giải đoàn

tự anh C không có mặt, thể hiện anh C không còn quan tâm gì đến tình cảm vợ chồng, không muốn hòa giải đoàn tụ; tại phiên tòa anh C cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án xem như anh từ bỏ quyền lợi của mình tại phiên tòa; căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H cho chị H được ly hôn với anh C.

Về con chung: Do quá trình không làm việc được với anh C; căn cứ vào điều kiện của chị H và nguyện vọng của các con cần giao ba con chung Điều L, sinh ngày 06/6/2006; Điều Thành P, sinh ngày 04/9/2010 và Thị Tuyết L, sinh ngày 10/8/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: chị H không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: chị Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điều C, anh C có nơi cư trú tại tổ 1, ấp S, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C nhưng anh C không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh C cũng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Điều C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Thị H và anh Điều C tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2006, đến năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 9 và điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Thị H xác nhận đời sống chung không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, anh C thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập vợ, đi làm về không lo cho gia đình vợ con, mục đích hôn nhân không đạt được, được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần và đã bị Công an xã xử phạt hành chính về việc bạo hành gia đình, tuy nhiên

anh C không thay đổi, vẫn chứng nào tật đó, mâu thuẫn kéo dài; nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Điều C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên bản xác minh ngày 02/10/2018 được ấp trưởng ấp S, xã A cho biết: mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài; thể hiện anh C thường xuyên nhậu nhẹt về xô xát với chị H có khi gây ra thương tích, được ban ấp hòa giải nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi, quá trình giải quyết vụ án ban ấp đã giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, anh C nhận được nhưng anh C không lên tòa để làm việc. Hội đồng xét xử nhận thấy chị H và anh C mâu thuẫn xảy ra nhiều năm liền, việc này địa phương cũng xác nhận và đã hòa giải nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi chứng nào tật đó; quá trình tòa án mời anh C đến tòa án để làm việc, tiến hành hòa giải để anh, chị về đoàn tụ nhưng anh C vẫn không đến tòa để làm việc và từ chối hòa giải đoàn tụ; tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không lý do nên xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Từ những phân tích trên xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được; để ổn định cuộc sống cho các bên sau này cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Thị H; cho chị H ly hôn với anh Điều C.

[3] *Về con chung*: Trình bày của chị H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa thì xác định quá trình chung sống chị H và anh C có 03 con chung tên Điều L, sinh ngày 06/6/2006; Điều Thành P, sinh ngày 04/9/2010 và Thị Tuyết L, sinh ngày 10/8/2012 chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 03 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: theo xác minh tại địa phương, mức thu nhập của chị H làm công việc cạo mủ cao su cho tư nhân ổn định 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng; anh C cũng cạo mủ cao su cho tư nhân thu nhập 3.000.000đ đến 4.000.000đ/tháng nhưng thường xuyên say xỉn, không ổn định; quá trình không làm việc được với anh C nên không lấy được ý kiến của anh C nên không biết được nguyện vọng về việc trực tiếp nuôi con của anh C; quá trình ly thân thì các con được chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung cần chấp nhận yêu cầu về giao con chung của chị H; cần giao cả 03 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 3 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị H được ly hôn với anh Điều C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2010 cấp ngày 06/01/2010, do Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Điều L, sinh ngày 06/6/2006; Điều Thành P, sinh ngày 04/9/2010 và Thị Tuyết L, sinh ngày 10/8/2012 cho chị Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Nguyên đơn không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004881 ngày 21/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. H;
- Chi cục THADS H. H;
- Dương sự;
- UBND xã A, huyện H;
- Lưu: HS, VT.

